

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/8/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2022/TLST – HNGĐ ngày 04/5/2022 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST– HNGĐ ngày 21/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/QĐST - HNGĐ ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Mai Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A, Tổ B, ấp BM, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Bùi Trọng T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ C, Ấp D, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị Th có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Mai Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Trọng T kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 11/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không thống nhất được với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022 tới nay. Hiện chị không còn tình cảm gì với anh T nên làm đơn xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Chị đã suy nghĩ rất kỹ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết sớm.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2021. Ly hôn, chị xin nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, anh Bùi Trọng T trình bày.*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống từ tháng 02/2022 tới nay. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2021. Ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Th nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị Th.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2021 cho chị Th nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi Trọng T có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Phan Mai Th khởi kiện xin được ly hôn với anh Bùi Trọng T và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

- Anh Bùi Trọng T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Mai Th và anh Bùi Trọng T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị Th xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Trọng T đã có bản tự khai, cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T là có thật. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2022 tới nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn và cả 02 đều thống nhất ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Mai Th, cho chị Th được ly hôn với anh Bùi Trọng T là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2021.

Sau khi ly hôn, chị Th và anh T đều thống nhất giao con cho chị Th nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng 2.000.000/tháng. Vì vậy, giao cháu K cho chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000/tháng kể từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu K trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: Chị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, anh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Mai Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Mai Th được ly hôn với anh Bùi Trọng T.

Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2021.

Giao cháu K cho chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000/tháng kể từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu K trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0005671 ngày 29/4/2022.

Anh T phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung